

Số: 2126/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 30 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án
“Trang trại chăn nuôi An Thái” tại xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương
của Công ty Cổ phần Tâm Việt Farm**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi An Thái” họp ngày 18/5/2021 tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 03/CV-TVF ngày 03/8/2021 của Công ty Cổ phần Tâm Việt Farm;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 370/TTr-STNMT ngày 19/8/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi An Thái” của Công ty Cổ phần Tâm Việt Farm (sau đây là Chủ dự án) thực hiện tại xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương với các nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Công ty Cổ phần Tâm Việt Farm có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định của pháp luật.



2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan kiểm tra việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kiến Xương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lê Lợi; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan và Giám đốc Công ty Cổ phần Tâm Việt Farm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

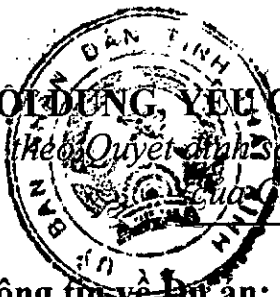
- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lại Văn Hoàn

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)



1. Thông tin về Dự án:

- Tên Dự án: Trang trại chăn nuôi An Thái.
- Chủ Dự án: Công ty Cổ phần Tâm Việt Farm.

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn An Thái, xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Địa điểm thực hiện Dự án: Thôn An Thái, xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương.

- Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

Công suất thiết kế: 600 con lợn nái/lứa, 6.000 con lợn thịt/lứa.

Tổng diện tích đất thực hiện dự án: 86.487,42 m².

- Các hạng mục, công trình chính của Dự án: 02 Nhà lợn nái mang thai (300 con/nhà), diện tích 840 m²/nhà; 02 Nhà lợn nái đẻ (90con/nhà), diện tích 806 m²/nhà; 02 Nhà lợn cai sữa (1.000 con/nhà), diện tích 816 m²/nhà; 04 Nhà lợn thịt 1 dãy, diện tích 896 m²/nhà; 04 Nhà lợn thịt 2 dãy, diện tích 960 m²/nhà; 01 Nhà cách ly lợn nhập mới, diện tích 224 m².

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công; nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi, khí thải, mùi (phát sinh từ chuồng nuôi, hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nhà chứa phân), chất thải rắn (phân lợn, chất thải rắn sinh hoạt...), chất thải nguy hại, tiếng ồn phát sinh từ quá trình chăn nuôi thử nghiệm.

- Trong giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi, khí thải, mùi (phát sinh từ chuồng nuôi, hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nhà chứa phân), chất thải rắn (phân lợn, chất thải rắn sinh hoạt...), chất thải nguy hại, tiếng ồn phát sinh từ quá trình chăn nuôi.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,35 m³/ngày đêm, nước thải xây dựng khoảng 3,36 m³/ngày đêm; nước thải từ hoạt động chăn nuôi thử nghiệm khoảng 24,6 m³/ngày đêm.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải chăn nuôi khoảng 99,80 m³/ngày đêm.

+ Nước thải sinh hoạt khoảng 2,66 m³/ngày đêm.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ thi công cải tạo, sửa chữa công trình hiện có, thi công các công trình mới; bụi, khí thải từ phương tiện vận

chuyển, tập kết nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị; khí thải, mùi phát sinh từ chuồng nuôi, hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nhà chứa phân.

- Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển; khí thải, mùi phát sinh từ chuồng nuôi, hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nhà chứa phân.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải rắn xây dựng gồm gạch vỡ, vữa thải, vỏ bao bì, nilon, thùng gỗ ... khoảng 209 tấn/ngày; chất thải rắn sinh hoạt khoảng 9 kg/ngày; chất thải rắn từ hoạt động chăn nuôi lợn thử nghiệm gồm: phân lợn khoảng 1.723,96 kg/ngày, chất thải rắn khác khoảng 20 kg/ngày.

- Giai đoạn vận hành: Chất thải rắn từ chăn nuôi gồm: Phân lợn khoảng 6.006,76 kg/ngày; nhau thai lợn khoảng 13,56 kg/ngày; lợn thải loại khoảng 41.381,5 kg/ngày (dự kiến số lượng lớn nhất có thể xảy ra); thiết bị chăn nuôi hỏng khoảng 1 kg/ngày; chất thải rắn sinh hoạt khoảng 19 kg/ngày; bùn thải từ hệ thống thoát nước mưa, nước thải, hệ thống xử lý sau Biogas, hồ sinh học khoảng 468 kg/ngày; bùn thải từ Biogas khoảng 593.440,725 kg/năm.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải nguy hại bao gồm bóng đèn huỳnh quang hỏng, dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu... khoảng 7kg/ngày.

- Giai đoạn vận hành:

+ Lợn chết do dịch bệnh khoảng 795.798 kg/ngày (dự kiến số lượng lớn nhất có thể xảy ra).

+ Chai lọ, kim tiêm, vỏ thuốc thú y thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin, ắc quy, vỏ thùng đựng hóa chất thải... khoảng 0,63 kg/ngày.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt trên công trường được thu gom, xử lý sơ bộ bằng nhà vệ sinh di động và định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

+ Nước thải xây dựng: Sử dụng bể lắng là bể nhựa HDPE di động, có thể tích 1,5 m³, để lắng cặn đất đá xuống đáy bể, phần nước trong bên trên được lọc qua vải địa kỹ thuật, tái sử dụng vào mục đích như trộn vữa, rửa đá, không thải ra môi trường.

+ Nước thải chăn nuôi: Thu gom, xử lý tại bể Biogas dung tích 6.000m³, sau đó chảy ra ao lắng diện tích 2.480 m², sâu 1,5m³, xả ra sông nội đồng của xã Lê Lợi.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước mưa chảy tràn: Từ khu chuồng nuôi lợn nái thu gom vào đường cống kích thước 200x300 mm, dài 717 m, từ khu chuồng nuôi lợn thịt thu gom vào đường cống kích thước 200x300 mm, dài 1.065 m, từ khu nhà văn phòng, nhà vệ sinh công nhân, nhà nghỉ công nhân, kho trung tâm, nhà trực khu lợn thịt... thu gom vào đường cống kích thước 200x300 mm, dài 255 m, chảy vào hồ cảnh quan.

+ Hệ thống thu gom, xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt từ khu vực văn phòng, nhà sát trùng, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh công nhân được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà ăn được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ, thu gom bằng đường ống PVC D110mm, đầu nối vào mạng lưới thu gom nước thải từ các chuồng nuôi lợn thịt bằng đường ống PVC D250mm, chảy vào bể Biogas.

- Hệ thống thu gom nước thải chăn nuôi:

Nước thải từ khu chuồng nuôi lợn thịt được thu gom bằng đường ống PVC D250 mm, chảy qua máy ép phân để loại bỏ phân lợn sau đó chảy vào bể biogas.

Nước thải từ khu nhà cách ly lợn mới nhập, nhà sát trùng thu gom bằng đường ống PVC D110mm, đầu nối vào đường ống thu gom nước thải từ các chuồng nuôi lợn nái PVC D250mm chảy vào bể Biogas.

Nước thải từ bể Biogas chảy vào trạm xử lý nước thải sau biogas xử lý đạt quy chuẩn quy định, xả ra nguồn tiếp nhận nước thải là mương nội đồng của xã Lê Lợi.

Trạm xử lý nước thải sau biogas có công suất thiết kế $120 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột A giá trị C.

+ Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải → Bể Biogas → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể lắng hóa lý → Bể Nitrat hóa → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận nước thải.

+ Quy mô các hạng mục công trình:

Bể biogas phủ bạt HDPE diện tích 1.971 m^2 , dung tích 6.000 m^3 .

Trạm xử lý nước thải sau Biogas (kích thước Dài x Rộng x Cao (m)): Bể gom nước thải (1,78x0,89x1,78), Bể điều hòa (6,9x2,4x3,2; 1,75x1,15x3,2), Bể điều chỉnh pH (1,75x2,1x3,2; 1,15x2,1x3,2), Bể lắng sơ bộ (3,5x3,5x3,2), Ngăn tách bùn bể lắng sơ bộ (1,15x1,15x3,2), Bể Nitrat hóa (6,9x4,6x3,2), Bể Anoxic 1 (6,9x3,7x3,2), Bể Anoxic 2 (6,9x3,7x3,2), Bể Aerotank (6,9x4,6x3,2), Bể lắng sinh học (3,5x3,5x3,2), Ngăn tách bùn bể lắng sinh học (1,15x1,15x3,2), Bể khử trùng (3,0x1,5x3,2), Bể chứa bùn (3,5x1,75x3,2).

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Tưới ẩm hạn chế phát sinh bụi khi thi công xây dựng; phương tiện vận chuyển chở đúng tải trọng, che chắn tránh rơi vãi nguyên vật liệu, chất thải; vệ sinh chuồng trại, phun chế phẩm vi sinh; hệ thống thu gom nước thải được thiết kế kín.

- Giai đoạn vận hành: Vệ sinh chuồng trại, phun chế phẩm vi sinh vào khu vực chuồng nuôi; áp dụng biện pháp thông thoáng nhà xưởng tự nhiên kết hợp với quạt hút công nghiệp, sau quạt hút phun chất khử mùi; thiết kế hệ thống thu gom nước thải kín, đúng tiêu chuẩn kỹ thuật; trồng cây xanh xung quanh khu vực chuồng nuôi, khu xử lý chất thải.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, hợp đồng với đội vệ sinh môi trường của xã Lê Lợi vận chuyển, xử lý; chất thải rắn xây dựng được tập kết tạm thời tại khu đất dự án; sắt thép vụn, giấy, nilon được thu gom, bán tái chế; gạch vỡ, vữa thải... được thu gom, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý; phân lợn sau khi ép được đóng bao bán cho các đơn vị có nhu cầu; các thiết bị hỏng thu gom, bán tái chế.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom, phân loại vào các thùng chứa và hợp đồng với đội vệ sinh môi trường của xã Lê Lợi vận chuyển, xử lý.

+ Chất thải rắn chăn nuôi: Các thiết bị hỏng tập kết tại nhà chứa chất thải có diện tích 75m², bán tái chế; xác lợn chết không do dịch được thu gom, xử lý tại khu xử lý xác lợn diện tích 543 m²; phân lợn thịt được xử lý qua máy ép phân, đóng bao tập kết tại khu chứa máy ép phân và phân khô diện tích 112 m²; phân lợn nái được thu gom, đóng bao, tập kết tại nhà chứa phân khô diện tích 75m², bán cho các đơn vị có nhu cầu; bùn thải từ biogas thu gom, bón cây tại khu vực dự án hoặc bán cho các đơn vị có nhu cầu.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Giai đoạn vận hành: Xác lợn chết do dịch bệnh được thu gom, tiêu hủy theo quy định; các loại chất thải nguy hại khác được thu gom, lưu giữ tại khu lưu giữ diện tích 12m² đặt trong khu nhà chứa chất thải, thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

Thực hiện thi công xây dựng theo thời gian quy định; chống rung lan truyền với thiết bị có độ rung lớn bằng các kết cấu đàn hồi, không sử dụng đồng thời các thiết bị có độ rung lớn.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

Bể Biogas dung tích 6.000 m³, Trạm xử lý nước thải sau Biogas công suất 120 m³/ngày đêm, xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột A giá trị C; nhà chứa chất thải 75m²; nhà chứa máy ép phân và phân khô diện tích 112 m²; nhà chứa phân khô diện tích 75m²; khu lưu giữ chất thải nguy hại 12m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:

5.1. Giai đoạn xây dựng:

a. *Giám sát môi trường không khí xung quanh:*

- Số điểm giám sát: 04 điểm.
- Vị trí giám sát: 04 góc của Dự án.
- Thông số phân tích: Tổng bụi lơ lửng, NO₂, SO₂, CO, tiếng ồn, độ rung.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

b. *Giám sát nước thải:*

- + Vị trí quan trắc: 02 điểm trước và sau hệ thống xử lý.
- + Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần. *fm*

+ Thông số quan trắc: Theo QCVN 62-MT:2016/BTNMT.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột A giá trị C.

c. Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý.

5.2. Giai đoạn vận hành:

a. *Giám sát nước thải*

+ Vị trí quan trắc: 02 điểm trước và sau hệ thống xử lý.

+ Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

+ Thông số quan trắc: Theo QCVN 62-MT:2016/BTNMT.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột A giá trị C.

b. Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đến Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi bắt đầu vận hành thử nghiệm ít nhất 20 ngày làm việc.

- Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường trước khi hết hạn thời gian vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật. *ph*